

Số : 403 /KH-TQK

Tân Phú, ngày 07 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH THU - CHI

**Các khoản thu học phí, dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục và các
khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác
Năm học 2024-2025**

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1605/GDĐT-TCKH ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Liên phòng Giáo dục – Đào tạo và phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Phú về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 – 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận Tân Phú.

II. Kế hoạch thu – chi:

Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải xây dựng kế hoạch thu – chi các khoản thu năm học 2024-2025 chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
A	Học phí theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND				
I	Dự kiến thu: 160.000 đồng/hs/tháng x 1.375 hs x 9 tháng	742.500.000		100,0%	Học sinh toàn trường
II	Kế hoạch chi	-	742.500.000	100,0%	
1	Chi lương, các khoản BH bảo vệ, phục vụ: 4.960.000 x6 người x4 tháng*123,5%		147.014.400	19,8%	
2	Chi thỉnh giảng giáo viên: 80 tiết/tháng x 80.000 đồng/tiết/4 tháng		57.600.000	7,8%	
3	Chi tiền điện		30.885.600	4,2%	
4	Chi vật tư văn phòng		30.000.000	4,0%	
5	Chi sửa chữa		50.000.000	6,7%	
6	Chi hỗ trợ các hoạt động văn, thể, mỹ, Đoàn, Đội		50.000.000	6,7%	
7	Chi bồi dưỡng học sinh giỏi		80.000.000	10,8%	
8	Trích CCTL 40% học phí		297.000.000	40,0%	
B	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND				
I	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu				Học sinh toàn trường
a	Dự kiến thu: 23.000 đồng/hs/năm x 1.375 hs	31.625.000		100,0%	
b	Kế hoạch chi		31.625.000	100,0%	
b.1	Thanh toán tiền khám sức khỏe nhà cung cấp		30.992.500	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%		632.500	2,0%	

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
b.10	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				
\	Tiền điện nước		36.000.000	3,2%	
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		49.229.729	4,4%	
b.11	Khấu hao tài sản cố định		49.219.671	4,4%	
b.12	Nộp thuế TNDN 2%		22.599.000	2,0%	
III	Các khoản thu cho cá nhân học sinh				
1	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu				
a	Dự kiến thu: 40.000 đồng/hs/năm x 1.375 hs	55.000.000		100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi		55.000.000	100,0%	
b.1	Học phẩm (Phù hiệu mã số): 17.000 đồng/hs/năm x 1.375 hs x 98%		22.907.500	41,7%	
b.2	Học phẩm (Tiền giấy thi và mực in, sao đề các bài kiểm tra định kỳ): 23.000 đồng/hs/năm x 1.375hs x 98%		30.992.500	56,4%	
b.3	Nộp thuế TNDN 2%		1.100.000	2,0%	
2	Tiền nước uống				
a	Dự kiến thu	151.983.000		100,0%	Học sinh toàn trường
	Học sinh học 1 buổi: 9.000 đồng/hs/tháng x 811hs x 9 tháng	65.691.000		43,2%	
	Học sinh học 2 buổi: 17.000 đồng/hs/tháng x 564hs x 9 tháng	86.292.000		56,8%	
b	Kế hoạch chi		151.983.000	100,0%	
b.1	Thanh toán tiền nước uống cho nhà cung cấp		148.943.340	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%		3.039.660	2,0%	

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"				
a	Dự kiến thu: 93.000 đồng/hs/tháng x 1.350hs x 9 tháng	1.129.950.000		100,0%	Học sinh toàn trường (miễn cho học sinh con thương bình)
b	Kế hoạch chi		1.129.950.000	100,0%	
b.1	Chi cho số tiết lý thuyết trực tiếp giảng dạy: 32 lớp x 1 tiết/tuần x 35 tuần x 120.000 tiết (LT)		134.400.000	11,9%	
b.2	Chi cho số tiết bài tập: 32 lớp x 1 tiết/tuần x 35 tuần x 100.000 tiết (BT)		112.000.000	9,9%	
b.3	Chi công tác quản sinh: 4.500.000 đồng/người/tháng x 2 người x 9 tháng		81.000.000	7,2%	
b.4	Chi trả lương hợp đồng cho bảo vệ, phục vụ và các khoản BHXH: 6 người x 6 tháng x 6.125.600 đồng		220.521.600	19,5%	
b.5	Hỗ trợ công tác bảo vệ, phục vụ: 4.500.000 đồng/người/tháng x 6 người x 8 tháng		216.000.000	19,1%	
b.6	Hỗ trợ công tác đưa hình ảnh và tin tức hoạt động của trường lên website; Xử lý, và in phiếu điểm, sổ liên lạc cho học sinh: 500.000 đồng/người/tháng x 2 người x 9 tháng		9.000.000	0,8%	
b.7	Hỗ trợ kiêm học vụ, hướng dẫn CMHS đóng tiền qua kênh thu hộ: 6.000.000 đồng/người/tháng x 1 người x 9 tháng		54.000.000	4,8%	
b.8	Quản lý phần mềm QLCBCC, hướng dẫn huynh thanh toán qua app, kênh thu hộ, nhắc nợ (VT): 4.000.000 đồng/người/tháng x 1 người x 9 tháng		36.000.000	3,2%	
b.9	Chi bộ phận quản lý, thu chi (HT,HP,KT,TQ): 12.220.000 đồng/tháng x 9 tháng		109.980.000	9,7%	

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
b.4	Hỗ trợ công tác bảo vệ, phục vụ: 4.500.000 đồng/người/tháng x 6 người x 3 tháng		81.000.000	3,8%	
b.5	Chi bộ phận quản lý, thu chi (HT,HP,KT,TQ): 18.800.000 đồng/tháng x 8 tháng		150.400.000	7,1%	
b.6	Chi nhân viên hỗ trợ công tác thu: hướng dẫn phụ huynh thanh toán qua các kênh thu hộ, nhắc nợ... (YT, TV,KT): 1.700.000 đồng/người/tháng x 3 người x 9 tháng		45.900.000	2,2%	
b.7	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		1.706.102	0,1%	
b.8	Chi khấu hao tài sản cố định		45.545.898	2,2%	
b.9	Nộp thuế TNDN 2%		42.120.000	2,0%	
6	Tiền tổ chức Chương trình giáo dục tăng cường ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học				
a	Dự kiến thu: 800.000 đồng/hs/tháng x 49 hs x 8 tháng	313.600.000		100,0%	Học sinh lớp 6/8 + 7/7 có đăng ký học (miễn 1 học sinh)
b	Kế hoạch chi	-	313.600.000	100,0%	
b.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy (330 học sinh x 704.000 đồng/học sinh/tháng x 8 tháng)		275.968.000	88,0%	
b.2	Chi bộ phận quản lý, thu chi (HT,HP,KT,TQ): 1.880.000 đồng/tháng x 8 tháng		15.040.000	4,8%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn		5.420.000	1,7%	
b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		4.393.443	1,4%	
b.4	Chi khấu hao tài sản cố định		6.506.557	2,1%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%		6.272.000	2,0%	
II	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo Đề án				

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		21.460.000	2,5%	
b.5	Chi khấu hao tài sản cố định		19.519.671	2,3%	
b.6	Nộp thuế TNDN 2%		17.280.000	2,0%	
4	Tiền tổ chức Giáo dục Stem				
a	Dự kiến thu: 90.000 đồng/hs/tháng x 330 hs x 8 tháng	237.600.000		100,0%	Học sinh khối 6 (miễn cho học sinh khuyết tật, hộ nghèo, thoát nghèo, con thương binh)
b	Kế hoạch chi	-	237.600.000	100,0%	
b.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy (330 học sinh x 74.700 đồng/học sinh/tháng x 8 tháng)		197.208.000	83,0%	
b.2	Chi bộ phận quản lý, thu chi (HT,HP,KT,TQ): 2.820.000 đồng/tháng x 8 tháng		22.560.000	9,5%	
b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		6.573.443	2,8%	
b.4	Chi khấu hao tài sản cố định		6.506.557	2,7%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%		4.752.000	2,0%	
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài				
a	Dự kiến thu: 195.000 đồng/hs/tháng x 1350 hs x 8 tháng	2.106.000.000		100,0%	Học sinh toàn trường (miễn cho học sinh khuyết tật, hộ nghèo, thoát nghèo, con thương binh)
b	Kế hoạch chi	-	2.106.000.000	100,0%	
b.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy: 32 lớp x 2 tiết/tuần x 32 tuần x 720.000/ tiết		1.474.560.000	70,0%	
b.2	Chi công tác quản sinh: 4.500.000 đồng/người/tháng x 2 người x 9 tháng		81.000.000	3,8%	
b.3	Chi trả lương hợp đồng cho bảo vệ, phục vụ và các khoản BHXH: 6 người x 5 tháng x 6.125.600 đồng		183.768.000	8,7%	

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		13.708.000	2,8%	
b.5	Chi khấu hao tài sản cố định		9.801.000	2,0%	
b.6	Nộp thuế TNDN 2%		9.801.000	2,0%	
2	Tiền tổ chức học tăng cường môn ngoại ngữ				
a	Dự kiến thu: 68.000 đồng/hs/tháng x 336 hs x 9 tháng	205.632.000		100,0%	Học sinh lớp 6/1-2, 7/1-2, 8/1, 9/1-3
b	Kế hoạch chi	-	205.632.000	100,0%	
b.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy (8 lớp x 3 tiết/tuần x 36 tuần x 120.000 đồng/tiết)		103.680.000	50,4%	
b.2	Chi bộ phận quản lý, thu chi (HT,HP,KT,TQ): 3.290.000 đồng/tháng x 9 tháng		29.610.000	14,4%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn		10.000.000	4,9%	
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		38.709.689	18,8%	
b.5	Chi khấu hao tài sản cố định		19.519.671	9,5%	
b.6	Nộp thuế TNDN 2%		4.112.640	2,0%	
3	Tiền tổ chức Giáo dục Kỹ năng sống				
a	Dự kiến thu: 80.000 đồng/hs/tháng x 1.350 hs x 8 tháng	864.000.000		100,0%	Học sinh toàn trường (miễn cho học sinh khuyết tật, hộ nghèo, thoát nghèo, con thương binh)
b	Kế hoạch chi		864.000.000	100,0%	
b.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy (1350 học sinh x 68.000 đồng/học sinh/tháng x 8 tháng)		734.400.000	85,0%	
b.2	Chi bộ phận quản lý, thu chi (HT,HP,KT,TQ): 8.460.000 đồng/tháng x 8 tháng		67.680.000	7,8%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn		3.660.329	0,4%	

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
II	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Sổ liên lạc điện tử, Tài khoản học trực tuyến Bách khoa – LMS360)				
1	Sổ liên lạc điện tử				
a	Dự kiến thu: 120.000 đồng/hs/năm x 1.375 hs	165.000.000		100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi		165.000.000	100,0%	
b.1	Thanh toán tiền cho nhà cung cấp dịch vụ		161.700.000	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%		3.300.000	2,0%	
2	Tài khoản học trực tuyến Bách khoa – LMS360				
a	Dự kiến thu: 100.000 đồng/hs/năm x 1.375 hs	137.500.000		100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi		137.500.000	100,0%	
b.1	Thanh toán tiền cho nhà cung cấp dịch vụ		134.750.000	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%		2.750.000	2,0%	
C	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo công văn số 5307/SGDDĐT-KHTC				
I	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác				
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày				
a	Dự kiến thu: 165.000 đồng/hs/tháng x 330 hs x 9 tháng	490.050.000		100,0%	Học sinh khối lớp 9 (miễn cho học sinh khuyết tật, hộ nghèo, thoát nghèo)
b	Kế hoạch chi	-	490.050.000	100,0%	
b.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy (9 lớp x 8 tiết/tuần x 36tuần x 150.000 đồng/tiết		388.800.000	79,3%	
b.2	Chi thỉnh giảng giáo viên		17.000.000	3,5%	
b.3	Chi bộ phận quản lý, thu chi (HT,HP,KT,TQ): 5.660.000 đồng/tháng x 9 tháng		50.940.000	10,4%	

STT	NỘI DUNG	Thu	Chi	TỶ LỆ	GHI CHÚ
3	Tiền trông giữ xe học sinh				
a	Dự kiến thu: 2.000 đồng/lượt x 135 xe/ngày x 24 ngày/tháng * 8 tháng	51.840.000		100,0%	Học sinh có nhu cầu gửi xe
b	Kế hoạch chi		51.840.000	100,0%	
b.1	Thanh toán cho bộ phận trực tiếp giữ xe		45.000.000	86,8%	
b.2	Mua phiếu giữ xe cho học sinh		1.656.000	3,2%	
b.3	Nộp thuế TNDN 2%		5.184.000	10,0%	

Trên đây là kế hoạch thu, chi tài chính các khoản thu phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác năm học 2024-2025 của trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải.

Nơi nhận:

- Ban Giám Hiệu;
- GV Chủ nhiệm;
- CMHS
- Lưu:VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

HUỲNH THỊ MỸ HÒA

